

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 -9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh T, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Kim Thị Na X**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng tại phiên tòa, nguyên đơn chị Kim Thị Na X trình bày:

Vào năm 2009, chị với anh Mai Văn T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đến ngày 15/11/2011 thì chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, chị và anh T chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, được một thời gian thì chị và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 02 người con chung tên: Mai Thanh T (Giới tính: Nam), sinh ngày 12 tháng 11 năm 2011 và Mai Kim Quốc T (Giới tính: Nam), sinh ngày 29 tháng 10 năm 2019, hiện cháu T và cháu Th đang sống chung với chị X.

Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị với anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Mai Văn T.
- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu: Mai Thanh T và Mai Kim Quốc T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi các con thì chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: Chị với anh T tự thỏa thuận mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Mai Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Kim Thị Na X. Tuy nhiên, giữa anh với chị X không có mâu thuẫn gì lớn, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, anh muốn được hàn gắn với chị X để chăm lo cuộc sống gia đình. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị X ly hôn thì anh đồng ý giao cháu: Mai Thanh T (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/11/2011 và Mai Kim Quốc T (Giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2019 cho chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu Th cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi các con thì anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị X tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Kim Thị Na X được ly hôn với anh Mai Văn T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu: Mai Thanh T (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/11/2011 và Mai Kim Quốc T (Giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2019 cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp B, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Kim Thị Na X đối với anh Mai Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị X và anh T không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi cưới nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị X với anh T phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, chị X vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với anh T, chị X cho rằng chị không còn tình cảm với anh T nữa. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Đối với cháu Mai Thanh T (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/11/2011 và Mai Kim Quốc T (Giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2019, hiện nay

chị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T và cháu Th cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung cho anh T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị X và anh T trình bày là tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Chị Kim Thị Na X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị Na X được ly hôn với anh Mai Văn T.

2/ Về con chung: Chị Kim Thị Na X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Mai Thanh T (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/11/2011 và Mai Kim Quốc T (Giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét..

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí: Chị Kim Thị Na X phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị X được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0004337, ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Như vậy, chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Mai Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND xã H, thị xã C;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đặng Văn Đua